

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

* Tên công ty bằng tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

* Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

* Tên công ty viết tắt: **PETROCONS**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng.

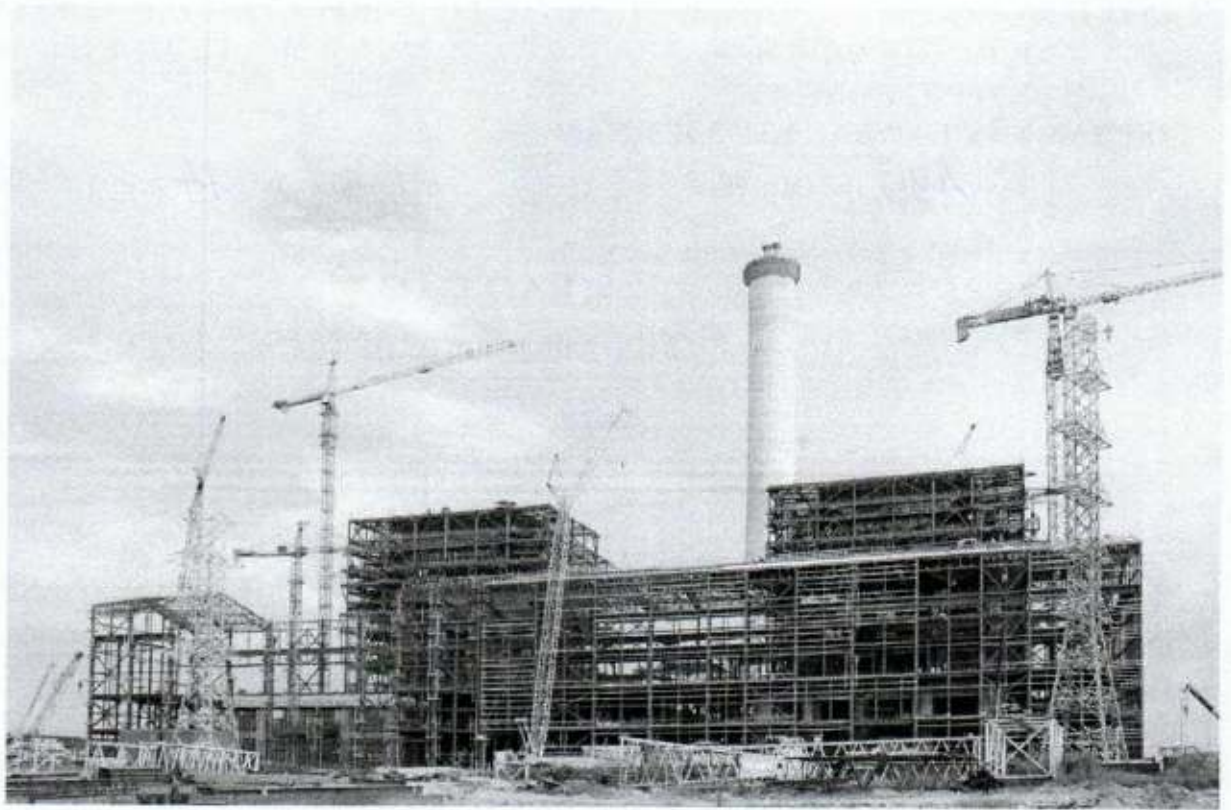
* Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

* Số điện thoại: 0243.7689291

* Số fax: 0243.7689290

* Website: www.pvc.vn/ www.petrocons.vn

* Mã cổ phiếu: **PVX**



2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam/Tập đoàn) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 43 năm qua, PetroCons nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng:

- **14/9/1983**, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi để cân khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hố chôn bùn khoan.

- **19/9/1995**, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- **1/4/2006**, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- **26/10/2007**, Chủ tịch Hội đồng thành viên Petrovietnam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**.

- **19/8/2008**, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **2010**, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mỏ Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- **1/2013**, theo đề án tái cơ cấu Petrovietnam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của Petrovietnam trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

- **20/01/2022**, Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK thông qua việc đổi tên viết tắt của Tổng công ty từ PVC thành PetroCons và Bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- **13/11/2025**, PetroCons đã thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 23 (Đăng ký kinh doanh lần đầu là ngày 20/12/2007).

Trải qua 43 năm hình thành và phát triển, PetroCons đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ dịch vụ tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và gần nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II, Dịch vụ mua sắm và chế tạo và lắp đặt Grillage trên sà lan nhà ở PTSC OFFSHORE 1 (MDV/POS/23/054), Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió - DA Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204, Chế tạo khối thượng tầng giàn dầu giếng DH01 - Dự án phát triển mỏ Đại Hùng Pha 3, Lô 05.1a, Chế tạo External Platform HĐ số 1610-2023/AECC/PVCMS ký ngày 16/10/2023, Thi công lắp ráp và hàn 8 ladle Hợp đồng số 1811-2023/AECC/PVCMS ký ngày 18/11/2023, Cung cấp cầu cảng neo đậu và dịch vụ hậu cần cho POS theo hợp đồng MDV/POS/23/107 ngày 16/5/2023, dự án đường ống Lô B-Ô Môn, dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, mở rộng và nâng cấp nhà máy Lọc Dầu Dung Quất... đều ghi dấu vai trò quan trọng của PetroCons.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PetroCons đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II, ... Các công trình này đến nay đều đã được hoàn thành, bàn giao và đi vào hoạt động.

Đặc biệt, PetroCons tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PetroCons thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông, Dịch vụ mua sắm và chế tạo và lắp đặt Grillage trên sà lan nhà ở PTSC OFFSHORE 1 (MDV/POS/23/054), Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió - DA Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204, Chế tạo khối thượng tầng giàn dầu giếng DH01 - Dự án phát triển mỏ Đại Hùng Pha 3, Lô 05.1a, Chế tạo External Platform HĐ số 1610-2023/AECC/PVCMS ký ngày

16/10/2023, Thi công lắp ráp và hàn 8 ladle Hợp đồng số 1811-2023/AECC/PVCMS ký ngày 18/11/2023, Cung cấp cầu cảng neo đậu và dịch vụ hậu cần cho POS theo hợp đồng MDV/POS/23/107 ngày 16/5/2023...

PetroCons khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PetroCons có những bước tiến trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Hiện tại, với mọi nguồn lực và nỗ lực, PetroCons tham gia đấu thầu tại các Dự án trọng điểm của Quốc gia và ngành như: Nhà máy Ô Môn 4, nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, san lấp mặt bằng dự án nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất. Năm 2025, PetroCons đã tham gia hiện đấu 32 gói thầu; trúng 8/32 gói với tổng giá trị khoảng 756 tỷ đồng. Thực hiện ký mới 19 Hợp đồng với tổng giá trị khoảng 1.012,6 tỷ đồng, sản lượng thực hiện khoảng 165,9 tỷ đồng.

Trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã thực hiện khởi công các công trình/dự án: Gói thầu Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Gói thầu mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn; Gói thầu T37, T23 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1. Thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư C&I (hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2; Mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2.

PetroCons đã hoàn thành, bàn giao trong năm 2025 các gói thầu: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2-NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của NMNĐ Cao Ngạn (Thái Nguyên); Cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2; Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1. Hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng số 158 và hợp đồng số 49 tại dự án Khu Đào tạo Quốc tế- Học viện An ninh Nhân dân.

Trên những chặng đường đã qua, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và của đất nước. “Mục tiêu lớn, đòi hỏi những nỗ lực lớn” là mục tiêu toàn thể tập thể lãnh đạo và CBCNV của PetroCons đều thấu hiểu. Với nền tảng vững chắc đã tạo dựng trên chặng đường phát triển và sự quyết tâm của “người PetroCons”, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam quyết tâm tiếp tục khắc ghi những dấu ấn trên chặng đường mới, góp phần vào sự phát triển chung của Petrovietnam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

3.1 Ngành nghề:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PetroCons là doanh nghiệp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PetroCons trong 43 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.

- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.

- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PetroCons còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...

- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.

- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...

- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện.

c. Xây dựng dân dụng

PetroCons đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PetroCons còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới.

d. Sản xuất công nghiệp

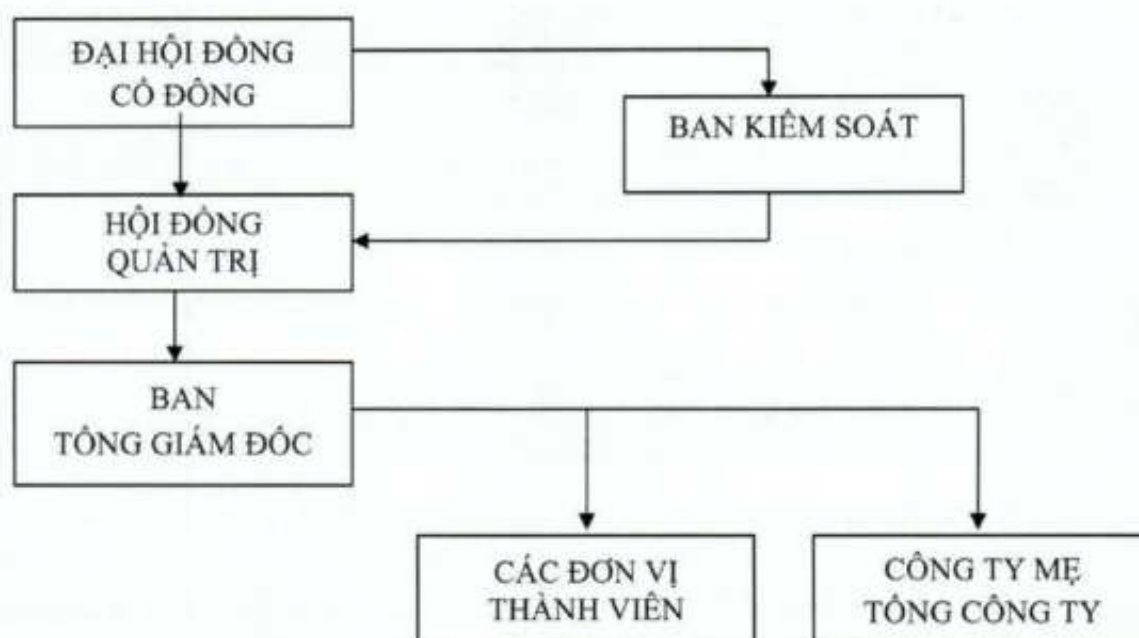
Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PetroCons chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí và hướng tới thi công các hạng mục điện hạt nhân).

3.2 Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của PetroCons bao gồm xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng trải rộng trong cả nước. Trong 2 năm gần đây tập trung doanh thu chủ yếu ở dự án NMNĐ Thái Bình 2 tại tỉnh Hưng Yên (tỉnh Thái Bình cũ) với tỷ trọng doanh thu chiếm 90% doanh thu Công ty mẹ PetroCons.

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết. đầu tư tài chính:

Stt	Tên Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PetroCons	Lĩnh vực SXKD chính
I	Các Công ty con/chi phối				
1	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	600	50,97%	Khảo sát, tư vấn, thiết kế và bán buôn các thiết bị, máy móc liên quan công trình dầu khí; Gia công cơ khí, kinh doanh bất động sản và dịch vụ ...
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	Số 35G đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	200	51%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa; Thi công tác công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, các hệ thống công nghệ, bồn chứa, bồn chịu áp lực, bồn chứa khí hoá lỏng...
3	Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Số 35D đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	300	51%	Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng...; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp; Đầu tư xây lắp các công trình Dầu khí; Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị...
4	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	Số 458 đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	450	72,22%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng nhà

					các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh BĐS...
5	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PetrCons-Đông Đô)	Tầng 2 tòa nhà Dolphin Plaza 28 Trần Bình - Mỹ Đình -Hà Nội	500	34,87%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh BĐS; XD các công trình kỹ thuật dân dụng khác; XD công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, kinh doanh bất động sản ...
6	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	Số 33, Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	365,5	46,51%	Gia công cơ khí; Thoát nước và xử lý nước thải; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, kinh doanh bất động sản ...
7	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Lô D khu đô thị Dầu khí, Ngõ Quyền, P1, Cà Mau	280,689	53,44%	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản...
II Các Công ty liên kết, đầu tư tài chính					
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	300	35,83%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng trong và ngoài ngành dầu khí, sản xuất gia công kim loại; Kinh doanh bất động sản...
2	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Tầng 4 tòa nhà Sannam - phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	500	40%	Thi công xây dựng các công trình dầu khí, các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng, nền móng của toà nhà... Kinh doanh bất động sản...
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	Tầng 4 khách sạn Dầu khí, số 427 đường Đà Nẵng - P. Đông Hải 1 - Q.Hải An - Hải Phòng	136,732.5	42,46%	Kinh doanh khách sạn; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, khu công nghiệp, giao thông thủy lợi, khu đô thị, hạ tầng cơ sở...
4	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Tầng 10 tòa nhà PVFC Land - 38A đại lộ Lê Lợi - TP.Thanh Hóa	210	36%	Đầu tư xây dựng (khu công nghiệp, khu đô thị, văn phòng, khách sạn...); Kinh doanh bất động sản; Sản xuất VLXD, Cơ khí...
5	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	KĐT mới Đông Hương - TP.Thanh Hóa	190	30%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Hoạt động tổ chức các sự kiện; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Kinh doanh bất động sản...
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Tầng 9 tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí	150	48,27%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình

	Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng - Lô A2.1 đường 30/4, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng			dẫn dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
7	Công ty Cổ phần thiết kế quốc tế Heerim PVC	P.1401 A2 khu Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Hà Nội	8,5	44%	Thiết kế, giám sát, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng...
8	Công ty Cổ phần TM và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	Số 12 ngách 15/10 phố Pháo Đài Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	3,6	97,22%	Truyền thông, Tổ chức sự kiện, thương mại
9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC-ID)	Số 1 ngõ 86 Chúa Hà - Hà Nội	40	49,98%	Đầu tư xây dựng, trang trí nội ngoại thất công trình...
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PETROVIETNAMC	Nhà A2/07 Tòa nhà PETROVIETNAMC2-CT2, Số 6 đường Nguyễn Quốc Trị, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, Nghệ An	218,46	22,64%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng và công nghiệp; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	Số 02 Nguyễn Gia Thiều P6, Q3, TP.Hồ Chí Minh	350	24,72%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ kèm theo...
12	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	280 Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	150	15,67%	Thiết kế, xây dựng công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; trang trí nội ngoại thất, kinh doanh VLXD; Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng...
13	Công ty CP Tập đoàn Trường Sơn	Số 251A, đường Quang Trung, phường Phú Hải, Đông Hới, Quảng Bình	75,13	3,99%	Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; thủy lợi, đê kè, bến cảng, cầu cảng; san lấp mặt bằng; Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng...
14	Công ty CP xi măng Hạ Long	Xã Thống Nhất - Hoành Bồ - Quảng Ninh	1.945,095	7,58%	Sản xuất, kinh doanh xi măng; Khai thác nguyên, nhiên vật liệu và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng...
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cảng và hạ tầng Việt Nam (VIPICO)	P1206 tòa nhà 17T2 KĐT Trung Hòa Nhân chính, Cầu Giấy, Hà Nội	250	5%	Sản xuất, mua bán gang thép; Khai thác và chế biến mua bán khoáng sản; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện; Mua bán VLXD, đồ trang trí nội, ngoại thất, thiết bị vệ sinh...
16	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	A4 lô 11 Định Công, Hà Nội	25	10%	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Trang trí nội, ngoại thất công trình...

17	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Số 1 Đồng Tiến, cụm Công nghiệp An Xá, Nam Định	55,9	5%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất gia công cơ khí; Sản lắp mặt bằng...
18	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Tầng 5, P502, Số 60 Lê Trung Nghĩa, P12, Q. Tân Bình, TP.HCM	70	20,86%	Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị trong xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng...

5. Định hướng phát triển của PetroCons:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của PetroCons:

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, lợi thế hiện có của PetroCons và các đơn vị; thu gọn mô hình tổ chức SXKD, tập trung và ngành nghề kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Khôi phục hoạt động SXKD của PetroCons, đạt mục tiêu có lợi nhuận và có lộ trình hoàn vốn điều lệ; từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PetroCons trong lĩnh vực thi công xây lắp và các lĩnh vực kinh doanh khác của Tổng công ty.

- Xây dựng PetroCons trở thành một trong những đơn vị dịch vụ kỹ thuật có năng lực, trình độ kỹ thuật cao, Tổng thầu EPC lớn trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình dầu khí.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục xác định ngành nghề kinh doanh chính của PetroCons là thi công xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Trong đó, Công ty mẹ PetroCons là tổng thầu EPC các công trình, trực tiếp tổ chức quản lý, điều hành và triển khai các dự án mà PetroCons là tổng thầu/Nhà thầu.

- Sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả để có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề then chốt và các dự án trọng điểm, từng bước xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh tại thị trường trong nước và dần mở rộng ra thị trường ngoài nước.

- Chuẩn bị từng bước các nguồn lực, tài chính, kỹ thuật công nghệ và đặc biệt nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, nâng cao chất lượng công tác quản trị để sẵn sàng tham gia các dự án lớn, trọng điểm trong thời gian tới, đảm bảo tính chính xác, phù hợp khi xây dựng hồ sơ năng lực tham gia dự thầu.

- Tổ chức sắp xếp, thu gọn các đơn vị thành viên/các công ty con theo hướng chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của PetroCons, phân đấu các đơn vị thành viên tự chủ trong hoạt động SXKD không tạo sự cạnh tranh về thị trường giữa các đơn vị thành viên trong Tổng công ty.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030: Giữ vững nguồn việc ổn định, phát triển và tăng trưởng các chỉ tiêu sản lượng doanh thu. Từng bước đưa PetroCons trở thành đơn vị xây lắp chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong nước.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2031-2035: Tiếp tục giữ vững tỷ lệ tăng trưởng hàng năm, mở rộng thị trường ra ngoài nước. Khẳng định thương hiệu, uy tín của PetroCons trong lĩnh vực tổng thầu EPC thi công xây lắp trong nước.

6. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2025

6.1 Rủi ro từ bên ngoài:

- Rủi ro về kinh tế:

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, giá cả vật tư, vật liệu, nhiên liệu... cũng như chính sách phát triển đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của PetroCons nói riêng. Tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, không ổn định, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm. Các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá hối đoái, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp, đặc biệt là ngành xây dựng. Ngoài ra, PetroCons còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác thu xếp vốn đầu tư, thu xếp mặt bằng của các chủ đầu tư dẫn đến nguồn hợp đồng xây dựng mới trên thị trường bị hạn chế.

- Rủi ro đặc thù:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của PetroCons là xây dựng - là ngành sản xuất kinh doanh phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro có thể kể đến như: rủi ro từ nguồn thanh toán của chủ đầu tư, rủi ro quản lý dòng tiền do dòng tiền đan chéo, phức tạp và phải xử lý linh hoạt, rủi ro phát sinh từ yếu tố cạnh tranh, rủi ro về nhân sự, rủi ro về an toàn lao động,...

- Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, PetroCons cũng luôn phải đối mặt với các rủi ro không lường trước như thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, cháy nổ. Đây là những rủi ro hiếm xảy ra nhưng đòi hỏi doanh nghiệp luôn phải chủ động có phương án phòng ngừa, khắc phục rủi ro thông qua mua bảo hiểm cho nhân viên, tài sản,...

6.2 Rủi ro nội tại:

Bên cạnh những khó khăn khách quan của nền kinh tế, PetroCons còn tồn tại nhiều vướng mắc nội tại như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, nhiều tồn tại cũ vì nhiều lý do chưa thể giải quyết... làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 của PetroCons:

- Công tác trả nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn: Đến thời điểm 31/12/2025: số dư các khoản nợ vay ủy thác của PetroCons/các đơn vị thành viên phải trả Petrovietnam tại MBV là: Gốc vay ủy thác còn phải trả là 575,67 tỷ đồng, trong đó: các đơn vị sử dụng: 344,67 tỷ đồng; Công ty mẹ PetroCons sử dụng 230,99 tỷ đồng. Lãi vay PetroCons còn phải trả tính đến thời điểm 31/12/2025 là: 182,78 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90,079 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc 92,7 tỷ đồng. Các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả. Một số đơn vị của PetroCons đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn đến PetroCons khó có khả năng thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn.

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Tiềm ẩn rủi ro về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán: Tổng các nghĩa vụ bảo lãnh của PetroCons đến nay là 266,846 tỷ đồng (trong đó: bảo lãnh vay vốn là 155,046 tỷ đồng, bảo lãnh thanh toán là 111,8 tỷ đồng).

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PetroCons từ các khoản đầu tư tài chính: Hầu hết các đơn vị đều đối diện với việc kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung.

- Tiềm ẩn rủi ro trong trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PetroCons tại 31/12/2025 là 1.645,46 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 1.622,57 tỷ đồng và phải thu dài hạn là 22,89 tỷ đồng. Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi (ngắn hạn) là 876,93 tỷ đồng. PetroCons cũng đối diện với tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong các năm tiếp theo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2025 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ so sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2025	TH 2025/TH 2024
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Giá trị SXKD					
	Hợp nhất	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	Công ty mẹ	261,84	332,00	160,02	48%	61%
2	Tổng doanh thu					
	Hợp nhất	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%
	Công ty mẹ	609,04	796,00	1.040,63	131%	171%
3	Lợi nhuận trước thuế					
	Hợp nhất	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	Công ty mẹ	4,12	3,72	10,53	283%	255%
4	Lợi nhuận sau thuế					
	Hợp nhất	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Công ty mẹ	4,12	3,72	10,53	283%	255%

- Tình hình sản xuất kinh doanh của tổ hợp Tổng công ty: các chỉ tiêu kế hoạch Giá trị SXKD - Doanh thu - Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đều có kết quả hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và có sự tăng trưởng so với năm 2024.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ Tổng công ty:

+ Đối với chỉ tiêu Giá trị SXKD Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch năm và giảm so với thực hiện năm 2024 phần lớn nguyên nhân từ sự thiếu hụt phần sản lượng dự kiến từ dự án Khu nhà ở CBCNV Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (kế hoạch 108 tỷ đồng) và dự án NMSX Oxy già (kế hoạch 70 tỷ đồng) do đến nay 02 dự án này lùi thời hạn đấu thầu. Trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã tích cực tham gia dự thầu nhiều gói thầu và đã ký thêm nhiều hợp đồng thi công, mua sắm, lắp đặt mới và 01 hợp đồng ủy thác nhập khẩu thiết bị với tổng giá trị hơn 548 tỷ đồng. Tuy nhiên vẫn chưa đủ bù đắp sản lượng kế hoạch từ các dự án bị giãn tiến độ nêu trên do các hợp đồng lớn tại dự án NMNĐ Long Phú 1 và hợp đồng Thi công Xử lý nền và san lấp trạm Mũi Tràm và Trạm An Minh- Đường ống Lô B- Ô Môn triển khai chậm so với dự kiến.

+ Doanh thu của Công ty mẹ năm 2025 đạt vượt mức kế hoạch đề ra và tăng trưởng 71% so với năm 2024 chủ yếu do trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành ký biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 với Chủ đầu tư, qua đó ghi nhận toàn bộ giá trị doanh thu còn lại của dự án. Bên cạnh đó, doanh thu của Công ty mẹ còn có được từ công tác triển khai thực hiện các công trình khác trong năm 2025, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

+ Lợi nhuận của Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận gộp từ hoạt động SXKD 24,19 tỷ đồng; từ hoạt động tài chính 30,67 tỷ đồng; từ các hoạt động khác 5,45 tỷ đồng; hoàn nhập trích lập dự phòng phải thu khó đòi 1,3 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty mẹ PetroCons thực hiện hạch toán các khoản chi phí quản lý của Cơ quan Công ty mẹ 44,01 tỷ đồng, chi phí quản lý của các Ban ĐHDA/ Chi nhánh thuộc Công ty mẹ 7,07 tỷ đồng.

+ Lỗ lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng.

+ Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PetroCons tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, gồm 5 thành viên, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức danh	Tỷ lệ đại diện vốn của Tập đoàn
1	Trần Quốc Hoàn	1973	Nghệ An	phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội	Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân ngoại ngữ - Tiếng Anh	Tổng giám đốc	0
2	Nguyễn Văn Đồng	1965	Bình Định	Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc	0

3	Bùi Sơn Trường	1970	Nghệ An	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	Thạc sĩ QTKD Kỹ sư - ngành cơ khí chế tạo máy	Phó Tổng giám đốc	0
4	Phạm Trung Kiên	1978	Bắc Ninh	Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Kỹ sư Máy và thiết bị công nghiệp Hoá chất - Dầu khí	Phó Tổng giám đốc	0
5	Vũ Minh Công	1979	Nam Định	Thành phố Hồ Chí Minh.	Cử nhân Kinh tế	Kế toán trưởng	0

- Năm 2025, Ban điều hành không có thay đổi nhân sự.

- Số lượng CBCNV: Tổng số CBCNV tính đến 31/12/2025 của PetroCons là 1.311 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 153 người.

Năm 2025, PetroCons thực hiện việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ nội vụ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn bao gồm đầu tư tài chính, đầu tư các dự án:

- Đầu tư các dự án: Năm 2025, PetroCons và các đơn vị thành viên không thực hiện đầu tư dự án.

- Đầu tư tài chính: Năm 2025, Công ty mẹ PetroCons không thực hiện đầu tư tài chính.

Giảm vốn đầu tư/vốn góp: Trên cơ sở Nghị quyết số 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty, PetroCons đã thực hiện ghi giảm giá trị đầu tư góp vốn tại PVC-Kinh Bắc 21 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty mẹ PetroCons có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.305,55 tỷ đồng. Trong đó: tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng; 11 đơn vị đơn vị liên kết là 735,45 tỷ đồng và 07 đơn vị đầu tư tài chính là 185,20 tỷ đồng.

Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2025 là 1.823,03 tỷ đồng bằng 79,07% tổng giá trị đầu tư tài chính của PetroCons. Trong năm 2025, PetroCons đã hạch toán hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với tổng giá trị 12,44 tỷ đồng. Bao gồm: (i) Trích lập bổ sung cho các đơn vị thua lỗ 31,37 tỷ đồng, (ii) Hoàn nhập trích lập 43,81 tỷ đồng (hoàn nhập toàn bộ giá trị đã trích lập 32,54 tỷ đồng cho khoản vốn góp tại PVC- Bình Sơn sau khi thẩm định giá trị thị trường của doanh nghiệp).

b) Tóm tắt hoạt động các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PetroCons	Doanh thu năm 2025	Lợi nhuận sau thuế năm 2025

TT	Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PetroCons	Doanh thu năm 2025	Lợi nhuận sau thuế năm 2025
1	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	600	50,97%	947,40	14,78
2	CTCP Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	300	51,00%	23,21	0,50
3	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	200	51,00%	121,32	1,80
4	CTCP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	365,50	46,51%	35,61	0,33
5	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) (*)	280,69	53,44%	-	-
6	CTCP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	450	72,22%	61,24	(39,18)
7	CTCP Dầu khí Đông Đô (PetroCons Đông Đô)	500	34,87%	145,48	7,35

- Các công ty liên kết:

Hiện PetroCons có 11 công ty liên kết với tổng giá trị đầu tư góp vốn là 735,45 tỷ đồng. Lũy kế trích lập giảm giá đầu tư tài chính tại các công ty liên kết đến thời điểm 31/12/2025 là 706,32 tỷ đồng bằng 96% tổng giá trị đầu tư. Trong năm 2025, phần lớn các đơn vị liên kết của PetroCons có kết quả kinh doanh tiếp tục thua lỗ dẫn đến lỗ lũy kế lớn. Năng lực tiếp thị đấu thầu không có, không có nguồn việc hoặc nguồn việc rất hạn chế. Một số đơn vị trước kia có lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính là đầu tư kinh doanh bất động sản đến nay vẫn tiếp tục phải chịu các chi phí tài chính, khấu hao đối với các bất động sản tồn đọng chưa thể thoái vốn/ thu hồi vốn đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư tài chính khác:

Đến thời điểm báo cáo, PetroCons chưa nhận được BCTC năm 2025 của các đơn vị đầu tư tài chính.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ Tiêu (Báo cáo Tài chính Công ty Mẹ)	Năm 2025	Năm 2024	% TH/KH
A	1	2	3=1/2
1. Tổng giá trị tài sản	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	98%
2. Doanh thu thuần	1.040.632.574.493	609.044.259.665	171%

3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.080.567.276	(35.862.555.256)	
4. Lợi nhuận khác	5.445.907.342	39.983.446.416	14%
5. Lợi nhuận trước thuế	10.526.474.618	4.120.891.160	255%
6. Lợi nhuận sau thuế	10.526.474.618	4.120.891.160	255%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

Chỉ tiêu	Báo cáo Tài chính Công ty mẹ		
	31/12/2025	31/12/2024 (điều chỉnh sau kiểm toán)	Chênh lệch (cuối kỳ - đầu kỳ)
TÀI SẢN	1	2	3=1-2
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.828.165.643.136	3.638.934.763.990	(810.769.120.854)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	185.725.106.002	354.571.200.087	(168.846.094.085)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	189.752.688.190	154.509.326.478	35.243.361.712
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.622.574.306.650	1.632.922.337.631	(10.348.030.981)
IV. Hàng tồn kho	771.647.894.657	1.383.604.585.419	(611.956.690.762)
V. Tài sản ngắn hạn khác	58.465.647.637	113.327.314.375	(54.861.666.738)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	1.420.147.720.795	687.737.485.893	732.410.234.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	22.893.210.988	22.893.210.988	0
II. Tài sản cố định	9.840.937.675	10.497.124.460	(656.186.785)
1. Tài sản cố định hữu hình	9.595.937.665	10.152.124.454	(556.186.789)
2. Tài sản cố định vô hình	245.000.010	345.000.006	(99.999.996)
III. Bất động sản đầu tư	24.089.000.000		24.089.000.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	167.308.721.200	158.163.600.046	9.145.121.154
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.191.490.011.281	490.360.967.556	701.129.043.725
VI. Tài sản dài hạn khác	4.525.839.651	5.822.582.843	(1.296.743.192)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	(78.358.885.952)
NGUỒN VỐN			

Chi tiêu	Báo cáo Tài chính Công ty mẹ		
	31/12/2025	31/12/2024 (điều chỉnh sau kiểm toán)	Chênh lệch (cuối kỳ - đầu kỳ)
C. NỢ PHẢI TRẢ	3.951.612.858.730	4.040.498.219.300	(88.885.360.570)
I. Nợ ngắn hạn	3.790.579.194.052	3.874.354.502.480	(83.775.308.428)
II. Nợ dài hạn	161.033.664.678	166.143.716.820	(5.110.052.142)
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	296.700.505.201	286.174.030.583	10.526.474.618
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	296.700.505.201	286.174.030.583	10.526.474.618
1. Vốn góp của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	0
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu			0
5. Cổ phiếu quỹ	(29.710.000)	(29.710.000)	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			0
8. Quỹ đầu tư phát triển	76.986.992.734	76.986.992.734	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	500.000.000	500.000.000	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(3.780.756.777.533)	(3.791.283.252.151)	10.526.474.618
- LNST chưa PP l. kế đến c.kỳ trước	(3.791.283.252.151)	(3.795.404.143.311)	4.120.891.160
- LNST chưa phân phối kỳ này	10.526.474.618	4.120.891.160	6.405.583.458
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			0
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>			0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	(78.358.885.952)

4.2 Các chỉ tiêu đánh giá tài chính chủ yếu (Công ty mẹ - Tổng công ty)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
A	1	2	3
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,75	0,94	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,54	0,58	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,93	0,91	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	13,32	12,97	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	1,27	1,29	
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu Thuần/Tổng tài sản BQ	0,14	0,14	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	0,01	0,04	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,11	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Tổng tài sản	0,002	0,001	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.01	0.01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Vốn điều lệ của PetroCons là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ Tổng công ty được chia thành 400.000.000 (Bốn trăm triệu) cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

Mã cổ phiếu: PVX. Hiện đang giao dịch trên sàn UpCoM (HNX)F.

Tất cả các cổ phần của PetroCons đều là cổ phần phổ thông và được tự do chuyển nhượng.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Trong 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn) vốn điều lệ; Vốn nhà nước do PETROVIETNAM nắm giữ là 2.178.733.330.000 đồng, tương đương 217.873.333 cổ phần, chiếm 54,47%.

* 03 thành viên HĐQT là Người đại diện quản lý vốn của Tập đoàn tại PetroCons là:

+ Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL tương đương 100.000.000 cổ phần.

+ Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL tương đương 60.000.000 cổ phần.

+ Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc đại diện quản lý 14,47% VDL tương đương 57.873.333 cổ phần.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm 2025, PetroCons không thay đổi giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Lịch sử và các đợt tăng vốn kể từ khi thành lập/cổ phần hóa đến 31/12/2025:

Tiền thân của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam là *Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí*, được thành lập ngày 14/9/1983, theo quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983).

Năm 2007, Petrovietnam ban hành Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

21/11/2007 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí với Vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

27/6/2008 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.

16/5/2009 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

19/8/2009 Tổng công ty hiện niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

20/01/2010 Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

PetroCons tăng vốn điều lệ từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 23/4/2011 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Kết quả đợt tăng vốn: VDL của PetroCons là 4.000 tỷ đồng.

- Vốn điều lệ qua các năm:

- + Năm 2007: 150 tỷ đồng.
- + Năm 2008: 1.500 tỷ đồng.
- + Năm 2009: 1.500 tỷ đồng.
- + Năm 2010: 2.500 tỷ đồng.
- + Năm 2011: 2.500 tỷ đồng.
- + Năm 2012 đến nay: 4.000 tỷ đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PetroCons

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát khí thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không đáng kể.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: hưởng ứng các chương trình giảm thiểu phát thải khí nhà kính của Chính phủ như tăng cường sử dụng phương tiện vận tải tập thể, đường biển, phương tiện vận tải sử dụng nhiên liệu sinh học và điện.

Trong các thiết kế và xây dựng: sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, gạch không nung, giảm ứng dụng nhôm kính kim loại nặng,..

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

- Sắt thép các loại: 6.943 tấn;
- Vật tư sơn và làm sạch: 7.070 lít;
- Vật tư thép: 136 tấn;
- Grating: 298 m²;
- Ván khuôn: 1.347 m²;
- Bê tông các loại: 2.324 m³;
- Bê tông nhựa đường: 37 tấn;
- Vữa Xi măng: 580 m³;
- Xi măng: 400 tấn;
- Sika: 8 tấn;

- Khí ga:	5.477 kg;
- Bột giặt:	931 kg;
- Nước tẩy:	855 lít;
- Cát:	1.136 m ³ ;
- Đá các loại:	901 m ³ ;
- Gạch xây:	714 m ³ ;
- Gạch lát:	2.702 m ² ;
- Sơn:	5.500 lít;
- Dung môi	230 lít;
- Cốp pha các loại:	208 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức: 0%

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện năng: 6.183.843 kWh;
- Dầu Diezen/xăng: 577.281 lít.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này: không có.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 63.983 m³
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: tính đến 31/12/2025, Tổng số CBCNV của PetroCons là 1.311 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 153 người..

- Thu nhập bình quân đầu người trong toàn Tổng công ty năm 2025 đạt 17,8 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi: Thực hiện nghiêm túc công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, người lao động.

c) Hoạt động đào tạo: Năm 2025, Tổng công ty triển khai thực hiện đào tạo 1.452 lượt người với tổng chi phí đào tạo là 1,52 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ PetroCons cử 197 lượt người tham gia các khóa đào tạo với chi phí đào tạo là 730 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu, cụ thể:

Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu:

- Thực hiện nghiêm túc công tác Quân sự, An ninh - Quốc phòng, Dân quân tự vệ. Tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ, tham gia công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức ANQP, huấn luyện quân sự và các hoạt động Quốc phòng khác tại địa phương.

- Phối hợp với Công an địa phương thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ An ninh - Tổ quốc trong năm 2025.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Bám sát theo các tiêu chuẩn quốc tế (như ICMA) và các quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP:

(1) Thứ nhất: nâng cao nhận thức về các vấn đề phát triển bền vững để doanh nghiệp biết cần làm gì trong lĩnh vực của mình và trong thị trường vốn.

(2) Thứ hai: nghiên cứu để xây dựng các bộ tiêu chuẩn; căn cứ vào đó xác định chuẩn đầu tư xanh nói chung.

(3) Thứ ba: tăng cường công bố thông tin vì nhà đầu tư luôn muốn có thông tin để đảm bảo khoản đầu tư của mình được sử dụng đúng mục đích.

Trước mắt, PetroCons nhận thức định kỳ, thường xuyên lập kế hoạch SXKD, bám sát thực hiện kế hoạch đã được Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua hằng năm. PetroCons xây dựng chiến lược phát triển với tầm nhìn ngắn hạn và dài hạn, kịp thời điều chỉnh kế hoạch và chiến lược để thích nghi các thay đổi về vi mô và vĩ mô của nền kinh tế, của ngành và của nội tại doanh nghiệp để giữ cho doanh nghiệp phát triển bền vững nhất có thể.

Ngoài ra, PetroCons luôn tuân thủ Luật, Nghị định và các Thông tư liên quan đến các lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là lĩnh vực Tài chính, chứng khoán để minh bạch thông tin, minh bạch số liệu và sức khỏe doanh nghiệp nhằm tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư và phục vụ các công tác quản lý của Nhà nước, quản trị của Doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

- Các chỉ tiêu kinh tế:

+ Về chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh: Toàn tổ hợp thực hiện 1.555,50 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch năm 2025 và bằng 158% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, Công ty mẹ thực hiện 160,02 tỷ đồng đạt 48% kế hoạch năm 2025 và bằng 61% so với thực hiện năm 2024.

+ Về chỉ tiêu doanh thu: Toàn tổ hợp thực hiện 2.274,02 tỷ đồng đạt 133% kế hoạch năm 2025 và bằng 173% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, Công ty mẹ

thực hiện 1.040,63 tỷ đồng đạt 131% kế hoạch năm 2025 và bằng 171% so với thực hiện năm 2024.

+ Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: Toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng.

+ Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng.

+ Lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PetroCons tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng.

- Đánh giá kết quả SXKD năm 2025 của Toàn tổ hợp lãi chủ yếu do: Năm 2025, trong 7 đơn vị thành viên, có 05/7 đơn vị có lãi với tổng giá trị 24,76 tỷ đồng (PVC-MS lãi 14,77 tỷ đồng, DOBC lãi 1,8 tỷ đồng, PVC-Bình Sơn lãi 0,33 tỷ đồng và PetroCons- Đông Đô lãi 7,35 tỷ đồng, PVC-IC lãi 0,50 tỷ đồng); 02 đơn vị còn lại thua lỗ với tổng giá trị lỗ 39,17 tỷ đồng (PVC-Thái Bình lỗ 39,17 tỷ đồng, và PVC-Mekong lỗ). Tổng lợi nhuận của các đơn vị thành viên lỗ 14,4 tỷ đồng, cộng với khoản lãi từ Công ty mẹ 10,526 tỷ đồng nên toàn tổ hợp sau loại trừ lãi 7,51 tỷ đồng trước thuế và 0,76 tỷ đồng sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Một số kết quả tích cực đã đạt được của PetroCons trong năm 2025:

+ Trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã thực hiện khởi công các công trình/dự án: Gói thầu Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Gói thầu mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn; Gói thầu T37, T23 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1. Thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư C&I (hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2; mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2.

+ PetroCons cũng đã hoàn thành, bàn giao các gói thầu: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của NMNĐ Cao Ngạn (Thái Nguyên); Cung cấp, lắp đặt biển tản cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2; Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1.

+ Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: đã ký Biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ngày 24/6/2025 và ghi nhận toàn bộ doanh thu phần còn lại của dự án. Trên cơ sở Biên bản Quyết toán Hợp đồng EPC đã ký giữa Ban QLDA - Tổng thầu PetroCons và Biên bản Điều chỉnh giá trị quyết toán Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ký ngày 24/10/2025, PetroCons đang tiếp tục phối hợp với các Nhà thầu phụ để hoàn thiện các thủ tục thanh/quyết toán Hợp đồng thầu phụ.

+ Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm nguồn việc bổ sung cho các năm sau. Kết quả, trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã trúng thầu và thực hiện ký kết nhiều hợp đồng thi công, mua sắm, lắp đặt mới và 01 hợp đồng ủy thác nhập khẩu thiết bị với tổng giá trị hơn 548 tỷ đồng. Tại các đơn vị thành viên đã ký kết nhiều hợp đồng/phụ lục hợp đồng với tổng giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng.

+ PetroCons đã thực hiện rà soát lại toàn bộ thực trạng, tình hình thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên có tiềm lực. Qua đó đưa ra các giải pháp nhằm tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh để đến hết năm 2025 giải quyết tối đa các vướng mắc, tồn tại của Công ty mẹ và tại các đơn vị thành viên, từng bước khôi phục lại hoạt động SXKD, nâng cao cơ hội thoái vốn.

+ Trong công tác tái cơ cấu, PetroCons tiếp tục rà soát nhằm xây dựng đề án tái cơ cấu giai đoạn 5 năm 2026-2030. Năm 2025, PetroCons đã triển khai các công tác liên quan đến chuyển nhượng phần vốn góp của PetroCons tại PVC-Bình Sơn. Tuy nhiên đợt chào bán cổ phần của PetroCons tại PVC-Bình Sơn trong tháng 12/2025 không thành công. Công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn sẽ tiếp tục triển khai thực hiện khi có được sự quan tâm của nhà đầu tư với mức giá đề xuất nhận chuyển nhượng tiệm cận với giá trị doanh nghiệp để đảm bảo công tác thẩm định giá và chuyển nhượng được thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

+ Đối với khu đất 3.400m² tại thị trấn Tam Đảo, PetroCons đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nhận giấy chứng nhận Quyền sử đất đứng tên chủ quyền và ghi nhận tăng tài sản đối với thửa đất theo Nghị quyết 115/NQ-XLTK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty. PetroCons đã phê duyệt phương án và kế hoạch đấu giá khu đất Tam Đảo. Hiện PetroCons đang triển khai các thủ tục tổ chức đấu giá tài sản.

+ Trong năm 2025, PetroCons đã tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn luật thực hiện các công tác pháp chế nhằm bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của PetroCons.

- Về công tác tổ chức đại hội cổ đông thường niên: PetroCons và các đơn vị thành viên đã thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo đúng kế hoạch và quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính (Công ty mẹ)

2.1. Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản tại 31/12/2025 là 4.248,313 tỷ đồng giảm 78,358 tỷ đồng so với cuối kỳ năm 2024 do các chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn giảm và tài sản dài hạn tăng, cụ thể: tài sản ngắn hạn giảm 810,769 tỷ đồng từ 3.638,934 tỷ đồng xuống 2.828,165 tỷ đồng; tài sản dài hạn tăng 732,410 tỷ đồng từ 687,737 tỷ đồng lên 1.420,147 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn tại 31/12/2025 là 4.248,313 tỷ đồng giảm 78,358 tỷ đồng so với cuối kỳ năm 2024 do các chỉ tiêu Nợ phải trả giảm và Vốn chủ sở hữu tăng. Chỉ tiêu Nợ phải trả giảm 88,885 tỷ đồng từ 4.040,498 tỷ đồng xuống 3.951,612 tỷ đồng; Chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu tăng 10,526 tỷ đồng từ 286,174 tỷ đồng lên 296,700 tỷ đồng.

- Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ PetroCons năm 2025 lãi 10,526 tỷ đồng. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối giảm tương ứng. Tại 31/12/2025, lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ PetroCons là 3.780,756 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 biến động so với cuối kỳ năm 2024 do các các chỉ tiêu sau:

+ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tiền và các khoản tương đương tiền) giảm trong kỳ là 168,84 tỷ đồng từ 354,571 tỷ đồng xuống 185,72 tỷ đồng (trong đó: Tiền mặt là 0,438 tỷ đồng; tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 96,98 tỷ

đồng, tiền gửi có kỳ hạn là 88,3 tỷ đồng). Các nguồn thu và chi năm 2025 của PetroCons được trình bày chi tiết tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ - Mẫu số B03-DN – Báo cáo tài chính Công ty mẹ.

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn của PetroCons tại 31/12/2025 là 189,752 tỷ đồng, tăng 35,243 tỷ đồng so với cuối kỳ năm 2024.

+ Tại 31/12/2025, giá trị đầu tư tài chính dài hạn của PetroCons là 1.191,490 tỷ đồng, tăng 701,129 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trong đó: tổng giá trị đầu tư vào các công ty thành viên là 2.305,954 tỷ đồng; vào 7 công ty con là 1.384,909 tỷ đồng; 11 công ty liên doanh liên kết: 735,449 tỷ đồng; đầu tư vào 6 công ty khác là 170,595 tỷ đồng. Do kết quả kinh doanh tại các công ty thành viên cũng không hiệu quả, lỗ lũy kế kéo dài nên PetroCons đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn lũy kế đến 31/12/2025 là 1.823,03 tỷ đồng, giảm 12,44 tỷ đồng so với số trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cuối năm 2024.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 10,348 tỷ đồng từ 1.632.922 tỷ đồng tại 31/12/2024 xuống 1.622,574 tỷ đồng tại 31/12/2025. Số liệu này biến động chủ yếu do giảm phải thu ngắn hạn tại Ban Quản lý Dự án NMNĐ Thái Bình 2 là 95 tỷ đồng, các khoản phải thu khách hàng khác tăng 51,19 tỷ đồng.

AASC đánh giá, trong 1.043 tỷ đồng các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi tại 31/12/2025 thì có 166,81 tỷ đồng có khả năng thu hồi. Số còn lại khó có khả năng thu hồi.

+ Tài sản ngắn hạn khác trong kỳ giảm 54,861 tỷ đồng so với cuối kỳ 2024. Hiện tài sản ngắn hạn khác là 58,465 tỷ đồng.

+ Hàng tồn kho trong kỳ giảm 611,956 tỷ đồng từ 1.383,604 tỷ đồng tại 31/12/2024 xuống 771,647 tỷ đồng tại 31/12/2025. Nguyên nhân chính do biến động bởi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

+ Tài sản dở dang dài hạn của PetroCons có biến động trong kỳ, tại 31/12/2025 và cuối kỳ năm 2024 tăng 9,14 tỷ đồng. Hiện tài sản dở dang dài hạn là 167,30 tỷ đồng.

+ Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình: Trong kỳ, PetroCons cũng ghi giảm TSCĐ do khấu hao. Như vậy, tại 31/12/2025, nguyên giá TSCĐ Tổng công ty đang ghi nhận với giá trị là 50,296 tỷ đồng và giá trị còn lại (GTCL) là 9,59 tỷ đồng.

+ TSCĐ vô hình của PetroCons giảm 100 triệu đồng trong kỳ. Nguyên nhân TSCĐ giảm do Tổng công ty ghi nhận thêm giá trị khấu hao trong kỳ; giá trị KH lũy kế đến 31/12/2025 là 5,26 tỷ đồng và GTCL của TS vô hình là 245 triệu đồng.

+ Vay và nợ thuê tài chính: Tại ngày 31/12/2025, dư vay và nợ thuê tài chính của PetroCons là 575,67 tỷ đồng (Vay MBV dài hạn đến hạn trả - vay ủy thác: 575,67 tỷ đồng). Tất cả các khoản vay và nợ thuê tài chính đều được đánh giá là có khả năng trả nợ.

+ Các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại 31/12/2025 là 2.403,857 tỷ đồng giảm 180,70 tỷ đồng so với cuối kỳ 2024. PetroCons đánh giá là có khả năng trả các khoản nợ này.

+ Doanh thu tại thời điểm 31/12/2025:

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tăng 25,25 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024. Có giá trị là 26,699 tỷ đồng.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn giảm 5,11 tỷ đồng từ 50,632 tỷ đồng tại 31/12/2024 xuống 45,522 tỷ đồng tại 31/12/2025.

+ Doanh thu hoạt động SXKD năm 2025 tại Công ty mẹ đã thực hiện là 1.040,6 tỷ đồng, trong đó: doanh thu hoạt động xây lắp là 1.003,01 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 29,23 tỷ đồng; thu nhập khác là 8,37 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động SXKD năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm trước 431,588 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động xây lắp tăng 472,656 tỷ đồng, doanh thu tài chính giảm 8,7 tỷ đồng, thu nhập khác giảm 32,33 tỷ đồng.

+ Giá vốn hàng bán tại 31/12/2025 là 978,823 tỷ đồng (trong đó chủ yếu từ hoạt động xây lắp), tăng 436,96 tỷ đồng so với giá vốn hàng bán cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí quản lý của Công ty mẹ năm 2025 là 49,78 tỷ đồng;

+ Kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty mẹ PetroCons: Công ty mẹ lãi 10,526 tỷ đồng.

Theo BCTC công ty Mẹ tại 31/12/2025 đã được kiểm toán, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 962,41 tỷ đồng. PetroCons đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025 (Cuối kỳ)	01/01/2025 (đầu kỳ)	Chênh lệch (cuối kỳ - đầu kỳ)
NỢ PHẢI TRẢ	3.951.612.858.730	4.040.498.219.300	(88.885.360.570)
I. Nợ ngắn hạn	3.790.579.194.052	3.874.354.502.480	(83.775.308.428)
II. Nợ dài hạn	161.033.664.678	166.143.716.820	(5.110.052.142)

+ Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2025 là 3.790 tỷ đồng trong đó:

(1) phải trả người bán ngắn hạn là 3.403 tỷ đồng (số có khả năng trả nợ là 100% dư nợ. Công nợ phải trả công ty DL E&C Co, Ltd là 1.044 tỷ đồng chiếm 46%/tổng nợ phải trả người bán: Tổng công ty và công ty DL E&C Co, Ltd đang tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, hai bên đang đàm phán để giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hòa giải);

(2) người mua trả tiền trước ngắn hạn là 222 tỷ đồng;

(3) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước còn phải nộp tại 31/12/2025 là 4,46 tỷ đồng (số phải nộp trong năm là 17,8 tỷ đồng, số đã thực nộp trong năm là 15,8 tỷ đồng);

(4) doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là 26,699 tỷ đồng.

(5) Phải trả ngắn hạn khác là 422,93 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu từ dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là 137,94 tỷ đồng; phải trả MBV là 182,7 tỷ đồng; phải trả Petrovietnam là 54 tỷ đồng.

+ Vay ngắn hạn ngân hàng là 42,744 tỷ đồng tại BIDV phục vụ bổ sung VLD và bảo lãnh mở LC.

+ Vay và nợ đến hạn trả là 575,67 tỷ đồng. Đây là khoản vay ủy thác (vay dài hạn, vay quá hạn chưa thanh toán) tại MBV từ 03 hợp đồng đầu tư vào các DN. Tổng công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 962,41 tỷ đồng. PetroCons đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

+ Nợ dài hạn tại 31/12/2025 là 161 tỷ đồng, trong đó Chi phí phải trả dài hạn là 115,497 tỷ đồng và doanh thu chưa thực hiện dài hạn là 45,522 tỷ đồng.

+ Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu tài chính	ĐVT	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024	Tăng giảm so với cùng kỳ
Nợ phải trả trên VCSH	Lần	13,32	14,12	-0,80
Khả năng thanh nợ đến hạn	Lần	0,75	0,94	-0,19
Hệ số th. toán nợ tổng quát	Lần	1,08	1,07	0,004

Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: Nợ phải trả đang chiếm tỷ lệ rất lớn so với vốn chủ sở hữu, PetroCons gặp khó khăn lớn về khả năng thanh toán nợ phải trả.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Tài sản ngắn hạn đang nhỏ hơn Nợ ngắn hạn. Điều này dẫn đến, trong ngắn hạn, PetroCons gặp khó khăn trong việc thanh toán cho các khoản nợ đến hạn. Trường hợp các chủ nợ đồng loạt đòi nợ thì doanh nghiệp sẽ mất khả năng thanh toán và đối diện yêu cầu phá sản từ các chủ nợ.

Khả năng thanh toán nợ tổng quát (khả năng thanh toán hiện thời) = 1,08 lần phản ánh việc Tổng công ty gặp khó khăn thanh toán tại thời điểm báo cáo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, về cơ bản, PetroCons không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

PetroCons vẫn tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng số vào trong các mặt sản xuất kinh doanh và trong công tác điều hành, quản lý và vận hành bộ máy như nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản lý công văn, tài liệu (idoc), nâng cấp website.

Về quản lý tiền lương, lao động: triển khai thực hiện điều chỉnh nhân sự, phân công nhiệm vụ, chuyển xếp lương, đánh giá xếp lương trên cơ sở đánh giá KPI cá nhân, đảm bảo đúng công việc đảm nhiệm, năng lực và hiệu suất công việc; minh bạch, khách quan, phù hợp quy định của Nhà nước và của Tập đoàn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong ngắn hạn, Ban Lãnh đạo PetroCons có kế hoạch tiếp tục triển khai các công tác sau:

+ Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu; củng cố, phát triển nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công... để hoàn thành hồ sơ năng lực. Tích cực, chủ động tham gia đấu thầu tìm kiếm nguồn việc đảm bảo nguồn công việc cho năm 2026 và các năm tiếp theo.

+ Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, tổ chức triển khai thi công một cách khoa học, rút ngắn tối đa tiến độ thi công tại các dự án nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

+ Tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng các đơn vị thành viên của PetroCons trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động SXKD, tài chính, cơ cấu tổ chức, con người, tài sản, máy móc thiết bị,... qua đó xác định vị thế và xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu đơn vị dựa trên năng lực thực tế. Trên cơ sở rà soát đánh giá từng đơn vị, PetroCons sẽ thực hiện xem xét, định hướng sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế.

+ Hoàn thiện dứt điểm các thủ tục, hồ sơ còn thiếu và phối hợp với các bên để giải quyết các vướng mắc trong công tác quyết toán các Dự án tồn đọng (Dự án Liên hợp Lọc hóa Dầu Nghi Sơn, Dự án NMNĐ Thái Bình 2, Dự án TTĐL Quảng Trạch, Dự án Viện dầu khí phía Nam, Dự án NMĐ Sông Hậu 1).

+ Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi vốn, thu hồi, xử lý/bù trừ các khoản công nợ nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

+ Xúc tiến, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyền lợi của PetroCons/PVN liên quan đến phương án thu hồi chi phí đã đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Soài Rạp, Tiền Giang. Hoàn thành chuyển nhượng khu đất tại Tam Đảo để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động SXKD.

+ Tiếp tục thu xếp nguồn vốn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Petrovietnam qua MBV. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PetroCons tại các đơn vị làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết các khoản bảo lãnh vay vốn của PetroCons cho các đơn vị.

+ Rà soát, đánh giá sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu tinh gọn, chất lượng phù hợp với nguồn công việc và các nguồn lực của Tổng công ty. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung lực lượng cán bộ công nhân viên tại các lĩnh vực được xác định là trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo như Tiếp thị đấu thầu, Quản lý dự án... và các lĩnh vực bổ trợ khác.

+ Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PetroCons đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PetroCons.

- Năm 2026 tiếp tục là một năm thách thức đối với PetroCons khi đã hoàn thành xong dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình, các dự án khác gói đầu còn ít, giá trị chưa cao, yêu cầu PetroCons phải tăng cường, tích cực trong công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm nguồn công việc. Trên cơ sở đánh giá thực tế, PetroCons đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026, cụ thể như sau:

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH2026/TH2025
1	Giá trị SXKD				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.555,50	3.884,00	250%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	160,02	890,00	556%
2	Tổng doanh thu				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	2.274,02	3.859,00	170%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.040,63	864,00	83%
3	Lợi nhuận trước thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	7,51	28,56	380%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	10,53	7,99	76%
4	Lợi nhuận sau thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	0,77	28,31	3.685%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	10,53	7,99	76%

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán độc lập tại Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2025.

5.1 Đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ sau kiểm toán năm 2025:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, AASC đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2025 do AASC đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.780,76 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.791,28 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.790,58 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 962,41 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 758,43 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được đầy đủ thông tin do đó không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2 “Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày lập báo cáo do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của số chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 4 “Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí số tiền là 3,88 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5 “Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự

phòng lần lượt là 911,58 tỷ VND và 861,84 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 04). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không..”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của PetroCons, PetroCons chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2025 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PetroCons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để thực hiện đánh giá các khoản đầu tư theo đúng quy định. PetroCons tin tưởng rằng, việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.2 Đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất sau kiểm toán của PetroCons năm 2025 sau kiểm toán:

Do AASC không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, AASC không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của PetroCons.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.566,39 tỷ

VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ thông tin do đó, không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2: “Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày lập báo cáo, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 4: “Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí số tiền là 3,88 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025, Dự án Khu đô thị

Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5. “Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 do Công ty này tự lập (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ 6 tháng đầu năm 2024 lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của PetroCons, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PetroCons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp nhất. PetroCons tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 6: “Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 175,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 196,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND), dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét của PetroCons, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PetroCons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp

nhất. PetroCons tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 7: “Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của kiểm toán viên là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 8: “Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty này tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 với tổng số tiền lần lượt là 33,647 tỷ VND và 31,148 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 9: “Tại ngày 31/12/2025, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 58,80 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 55,36 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 10: “Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con), Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là 25,88 tỷ VND và 23,40 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là: 15,83 tỷ VND và 22,49 tỷ VND. Các khoản nợ phải thu chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2025 là 64,19 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi

cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi lại thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Ý kiến 11: “Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con), tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025, Công ty đang theo dõi khoản phải trả cổ tức năm 2011 số tiền là 25 tỷ VND (xem thuyết minh 22). Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Nghị quyết số 23/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2012) với tỷ lệ cổ tức là 5% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện chốt danh sách cổ đông và chi trả phần cổ tức này. Chúng tôi chưa thể đánh giá nghĩa vụ của Công ty về khoản cổ tức này”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 12: “Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến một số hạng mục thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2025 với tổng giá trị lần lượt là 893,96 tỷ VND và 922,11 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong năm nay lần lượt là 987 triệu VND và 987 triệu VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hạng mục nêu trên tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025 với giá trị lần lượt là 146,47 tỷ VND và 146,25 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 13: “Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ- Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án”.

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Hiện nay Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán vốn đầu tư của dự án, sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán vốn đầu tư thì Công ty sẽ hạch toán chi phí dở dang còn lại trên.

“ Cũng tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 với giá trị sổ sách lần lượt là 81,45 tỷ VND và 40,85 tỷ VND.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Do tại thời điểm lập báo cáo tài chính 2025, một số khối lượng thực hiện vẫn chưa được chủ đầu tư chấp thuận thanh toán, do đó đơn vị chưa xác định được chính xác giá trị khối lượng quyết toán của 2 dự án này, chờ quyết toán dự án thì đơn vị sẽ hạch toán phần chi phí dở dang này.

Ý kiến 14 “Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Hiện nay dự án đang được hoàn thiện hồ sơ pháp lý và làm thủ tục để kiểm toán vốn đầu tư của dự án. Vì vậy Công ty chưa đánh giá hiệu quả của việc góp vốn vào dự án này.

Ý kiến 15: “Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 3,29 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 18,78 tỷ VND.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Ý kiến 16: “Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 15,55 tỷ VND và 18,64 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 10,31 tỷ VND và 10,82 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025 lần lượt là 131,89 tỷ VND và 130,49 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các

điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.3 Để khắc phục khó khăn và giảm lỗ lũy kế trong thời gian tới, Ban lãnh đạo PetroCons đã có định hướng và giải pháp khắc phục như sau:

Ban lãnh đạo PetroCons nhận thức rõ PetroCons đang gặp khó khăn và đã từng bước vượt qua. Do vậy, cùng với sự ủng hộ PetroCons của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, PetroCons đã rất tích cực trong việc rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Quyết liệt trong công tác điều hành thi công trên tất cả các công trình, dự án mà PetroCons và các đơn vị thành viên thực hiện;

- Tích cực thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm và bổ sung nguồn việc;

- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể PetroCons theo đúng định hướng được Tập đoàn phê duyệt, theo hướng công ty Mẹ trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, thực hiện vai trò định hướng hoạt động cho các công ty trực thuộc, thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các đơn vị không thuộc chuỗi ngành nghề hoạt động chính của PetroCons; nâng cao vai trò quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của PetroCons;

- Quyết liệt trong công tác rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn;

- Tích cực làm việc với Tập đoàn/đơn vị thành viên Tập đoàn và các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy nhanh việc phê duyệt các chi phí phát sinh tại các dự án mà PetroCons đang tham gia;

- Chủ động và tích cực làm việc với các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, đàm phán giảm lãi suất vay vốn và thu xếp đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và giải tỏa các khoản bảo lãnh trong thời gian tới.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1 Về trách nhiệm xã hội đối với môi trường:

PetroCons chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tuân thủ các tiêu chí sau: Phòng ngừa ô nhiễm, sử dụng tài nguyên bền vững, giảm nhẹ và thích nghi với biến đổi khí hậu, kiểm soát rác thải và hiệu quả năng lượng.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường:

Tiêu thụ nước: Bình thường;

Năng lượng: Bình thường.

Phát thải: Bình thường.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Tổng công ty đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống góp phần đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, tăng năng xuất lao động.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, về khai thác tài nguyên, triển khai các giải pháp về đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo luôn tận dụng và hiệu quả việc sử dụng nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PETROCONS

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Tổng Công ty

Năm 2025, ngành xây dựng có bước chuyển mình nhiều tích cực, đánh dấu giai đoạn phục hồi mạnh mẽ và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới sau thời kỳ khó khăn. Giá trị gia tăng của ngành xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2025 đã đạt mức tăng trưởng cao (khoảng 9,62%), là mức cao nhất trong 5 năm gần đây, cho thấy ngành đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Trong năm 2025, Chính phủ đẩy mạnh vốn đầu tư công, tập trung nguồn lực để hoàn thiện thủ tục và triển khai thi công các dự án lớn. Bên cạnh đó, việc tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý các dự án và mặt bằng lãi suất huy động và cho vay duy trì ở mức thấp đã khiến thị trường bất động sản dần phục hồi.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp xây dựng cũng đối diện với một số thách thức như: i) Giá nguyên vật liệu chủ chốt duy trì ở mức cao, đặc biệt là thép, xi măng và thiết bị cơ khí, gây sức ép lớn lên chi phí đầu vào của các doanh nghiệp xây lắp; ii) Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tuy có cải thiện so với năm 2024 nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng, dẫn tới nhiều dự án hạ tầng trọng điểm chậm được khởi công hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai; iii) Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà thầu trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực EPC, đã làm gia tăng áp lực về năng lực tài chính, tiến độ và chất lượng công trình.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất – kinh doanh của PetroCons chịu ảnh hưởng đáng kể. Một số dự án Tổng công ty dự kiến tiếp thị đấu thầu bị giãn tiến độ, công tác quyết toán gặp nhiều vướng mắc; các khoản công nợ tồn đọng chậm được xử lý, gây ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xử lý tài chính các dự án dở dang và áp lực hoàn trả các

khoản vay ủy thác cũng ảnh hưởng đến kế hoạch nguồn lực của Tổng công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực của Ban điều hành, PetroCons vẫn duy trì được sự ổn định tương đối trong hoạt động, tập trung tháo gỡ các vướng mắc tồn đọng, nâng cao năng lực quản trị và chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

** Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ năm 2025*

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 29/05/2025, toàn tổ hợp PetroCons đã nỗ lực thực hiện hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ SXKD, với lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng bằng 283% kế hoạch năm 2025. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PetroCons tại thời điểm 31/12/2025 là 296,7 tỷ đồng.

- Công tác thi công tại các công trình/dự án:

+ Đối với công trình trọng điểm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: Trong năm 2025, PetroCons đã phối hợp với Ban QLDA dự án ĐLDK Thái Bình 2 thực hiện công tác quyết toán giá trị Hợp đồng EPC; đã giải trình và được Chủ đầu tư/Ban QLDA bổ sung chi phí quản lý mua sắm thiết bị nhập khẩu, hai Bên đã tiến hành ký Phụ lục bổ sung số 60 bổ sung giá trị trước thuế là 161.610.093.708 đồng.

+ Dự án NMNĐ Sông Hậu 1:

PetroCons đang thực hiện công tác quyết toán 02 Hợp đồng số C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN về việc Thi công xử lý nền và số C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng với Tổng thầu Lilama.

Cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa trong Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2025, PetroCons đã trúng và ký kết một số hợp đồng như Hợp đồng cung cấp bi nghiền số 261/HĐ/2025/PVPG.B.NMND SH1-PetroCons/HH, Hợp đồng cung cấp vật tư C&I cho hệ thống DCS 12/HĐ/2025/PVPG.B.TITAN-PetroCons/SH1.

+ Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam Trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành hồ sơ quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư. Đến thời điểm báo cáo, Chủ đầu tư đã ký quyết toán và thanh lý hợp đồng.

+ Công trình nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí: Trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Dự án cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2: Trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Công trình thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1: Trong năm 2025, PetroCons hoàn thành công tác thi công trên công trường, hiện đang thực hiện các công tác thanh quyết toán thu hồi vốn.

+ Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMNĐ Cao Ngạn: Trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành công tác cung cấp, lắp đặt Bơm cấp 1A theo hợp đồng, hiện đang làm công tác thanh, quyết toán thu hồi vốn.

- Công tác tiếp thị đấu thầu ký kết các hợp đồng kinh tế:

+ Tại Công ty mẹ: Trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã tham gia dự thầu và trúng thầu các gói: Hợp đồng cung cấp bi nghiền số 261/HĐ/2025/PVPGB.NMNDSH1-PetroCons/HH; Hợp đồng cung cấp vật tư C&I cho hệ thống DCS 12/HĐ/2025/PVPGB.TITAN-PetroCons/SH1; Hợp đồng số 265/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PetroCons/HH về việc thực hiện Gói thầu Nâng cấp hệ thống PLC – Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; Hợp đồng 15/2025/LP1/T23 về việc Thi công hệ thống thải xỉ cho NMNĐ Long Phú 1; Hợp đồng 14/2025/LP1/T37 về việc Thi công hệ thống EPS và FGD cho NMNĐ Long Phú 1; Hợp đồng số 178/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PetroCons/HH về việc cung cấp bi nghiền cho NMNĐ Thái Bình 2; HĐ số 108/HĐ.2025.PVPGB.NMNDTB2.PETROCONS.HH về việc cung cấp vật tư C&I cho NMNĐ Thái Bình 2; Hợp đồng số: 167/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PVC/HH về việc Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2.

- Công tác xử lý, thu hồi công nợ: Đến thời điểm hiện tại, Công ty mẹ đã xử lý/thu hồi 12,995 tỷ đồng, cụ thể: PVC-ME (0,119 tỷ đồng); Petrovietnam (4,574 tỷ đồng) thông qua bù trừ thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 bằng việc mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2); CNPB (0,278 tỷ đồng); PetroCons – Đông Đô (2,093 tỷ đồng); PVC – Bình Sơn (1,106 tỷ đồng, tiền dư ứng CT Sông Hậu 1); DOBC (4,821 tỷ đồng, tiền dư ứng DA Thái Bình 2). Hiện PetroCons vẫn đang tiếp tục rà soát các khoản nợ chéo, giải quyết các vướng mắc tại các dự án tồn đọng để xây dựng các giải pháp nhằm xử lý/ thu hồi các khoản công nợ.

** Một số hạn chế, tồn tại:*

Năm 2025 được đánh giá là một năm khá thành công của PetroCons trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra với sự hỗ trợ của Tập đoàn cũng như nỗ lực tìm kiếm thực hiện các giải pháp thúc đẩy SXKD của tập thể lãnh đạo, CBCNV toàn Tổng công ty. Bên cạnh các kết quả đã đạt được nêu trên, PetroCons vẫn còn phải đối diện với nhiều khó khăn đến từ cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, như:

- Công tác thanh quyết toán các gói thầu C11, C15 thuộc dự án NMNĐ Sông Hậu 1 còn chậm, do kéo dài thời gian trong việc thống nhất giá trị quyết toán với Tổng thầu/ Chủ đầu tư.

- Việc chậm trễ quyết toán đối với các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm của cả Công ty mẹ lẫn các đơn vị thành viên gây tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc thu hồi vốn, phát sinh các tranh chấp, lãng phí nguồn lực.

- Tại các đơn vị thành viên, công tác tìm kiếm nguồn việc, ký kết hợp đồng mới còn hạn chế dẫn đến thiếu hụt sản lượng so với kế hoạch. Công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, thanh/ quyết toán còn tương đối chậm.

- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PetroCons và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PetroCons hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PetroCons.

- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PetroCons đều thua lỗ/có

giá trị lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên thực hiện công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên trong ban Tổng giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm, am hiểu đối với lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PetroCons, quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao ban định kỳ thường xuyên với các đơn vị thành viên để kịp thời quản trị các hoạt động SXKD tại các đơn vị theo đúng định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của từng đơn vị.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm, kiểm soát chặt chẽ chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các giải pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mở rộng thị trường; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PetroCons.

Thực hiện việc trả lương cho CBCNV Cơ quan PetroCons và Ban ĐH dự án thuộc PetroCons được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ PetroCons có thu nhập ổn định.

Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện xây dựng điều chỉnh các quy chế/quy định nội bộ của PetroCons nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PetroCons và trình Hội đồng quản trị PetroCons xem xét, phê duyệt.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026

3.1. Các chỉ tiêu kinh tế đã thực hiện năm 2025 và các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2026:

Trên cơ sở đánh giá các nguồn lực hiện có và dự kiến nhu cầu của thị trường, HĐQT xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu kinh tế chính như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/ TH 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
1	Giá trị SXKD	1.345,00	1.555,50	116%	3.884,00	250%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>332,00</i>	<i>160,02</i>	<i>48%</i>	<i>890,00</i>	<i>556%</i>
2	Tổng doanh thu	1.707,00	2.274,02	133%	3.859,00	170%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/ TH 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
	<i>Công ty mẹ</i>	796,00	1.040,63	131%	864,00	83%
3	Lợi nhuận trước thuế	4,56	7,51	165%	28,56	380%
	<i>Công ty mẹ</i>	3,72	10,53	283%	7,99	76%
4	Lợi nhuận sau thuế	4,56	0,77	17%	28,31	3.685%
	<i>Công ty mẹ</i>	3,72	10,53	283%	7,99	76%
5	Nộp NSNN	58,00	50,95	88%	35,00	69%
	<i>Công ty mẹ</i>	9,00	17,82	198%	11,00	62%
6	Thu nhập bình quân (trđ/ người/ tháng)	14,50	16,67	115%	16,00	96%
	<i>Công ty mẹ</i>	19,60	22,54	115%	19,58	87%

3.2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để phân đầu hoàn thành kế hoạch đề ra, PetroCons đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2026, cụ thể:

3.2.1. Công tác tái cấu trúc

- Trên cơ sở phương án tái cấu trúc của PetroCons giai đoạn 2026-2030 sau khi được Tập đoàn phê duyệt, xây dựng chi tiết kế hoạch tái cấu trúc năm 2026 để triển khai thực hiện.

- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động SXKD của đơn vị. Nghiên cứu, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ mới tại đơn vị thành viên: Dịch vụ vận hành và sửa chữa, bảo hành các NMNĐ, Dịch vụ kinh doanh và thương mại các sản phẩm phục vụ công tác thi công xây lắp như xi măng, clinker, tro xỉ, bê tông....

- Thúc đẩy tiến độ thoái vốn góp tại các đơn vị thông qua việc đăng thông tin kế hoạch thoái vốn trên phương tiện truyền thông (báo điện tử/báo giấy,...) để quảng bá và thu hút Nhà đầu tư quan tâm.

- Xây dựng đề án thí điểm phá sản/giải thể: Rà soát danh mục các công ty con, lựa chọn 1-2 đơn vị hoạt động kém hiệu quả nhất, đủ điều kiện pháp lý và xây dựng lộ trình thực hiện thủ tục phá sản/giải thể để báo cáo Petrovietnam.

3.2.2 Công tác triển khai tại các công trình/ dự án

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án. Đảm bảo tiến độ và các tiêu chuẩn về chất lượng trong quá trình thi công.

- Đối với các dự án mới, xây dựng cơ chế kiểm soát chi phí nghiêm ngặt và chặt chẽ, đặc biệt là biến động giá nguyên vật liệu, để đảm bảo biên lợi nhuận dương của từng dự án.

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PetroCons.

- Tối ưu hóa chi phí và quy trình thông qua việc đổi mới, áp dụng mô hình thông tin công trình - BIM, sử dụng các phần mềm tiên tiến về quản lý dự án, thiết kế... để cải thiện tính chính xác, giảm thời gian, chi phí thi công và nâng cao hiệu quả.
- Tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu với giá cả cạnh tranh mà vẫn đảm bảo chất lượng. Sử dụng các vật liệu và công nghệ tiên tiến để gia tăng độ bền, tính thẩm mỹ và thân thiện với môi trường.
- Xây dựng mối quan hệ với khách hàng thông qua việc cung cấp dịch vụ hậu mãi tốt, giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh sau khi bàn giao công trình; Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc thanh toán/quyết toán.

3.2.3 Công tác tiếp thị đấu thầu

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty,...
- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, đẩy mạnh thực hiện công tác tìm kiếm thông tin, tiếp cận thông tin các gói thầu trong và ngoài ngành Dầu khí.
- Xây dựng Đề án cải thiện năng lực đấu thầu chi tiết, trong đó phân tích các gói thầu đã thất bại để rút kinh nghiệm; chủ động tìm kiếm và thành lập liên danh với các đối tác mạnh trong và ngoài ngành để bù đắp phần năng lực còn yếu; tập trung nguồn lực marketing, bám sát các dự án trọng điểm trong ngành như dự án Lô B, NMNĐ Long Phú 1, NMLD Dung Quất...
- Mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác và liên kết thông qua việc khai thác các thị trường tiềm năng, đặc biệt ở các khu vực mới và chưa phát triển, liên kết với các đối tác tại các địa phương để tăng khả năng tiếp cận khách hàng; Hợp tác với các công ty lớn, có uy tín trong nước và quốc tế để tiếp cận, tham gia được các dự án lớn.

3.2.4 Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của PetroCons trong năm 2026.
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền cho toàn bộ hoạt động SXKD năm 2026, tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.
- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.
- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2026 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Rà soát, xây dựng lộ trình cụ thể để làm việc với Tập đoàn và các tổ chức tín dụng nhằm xử lý các khoản vay ủy thác và các khoản bảo lãnh vay vốn, giảm gánh nặng chi phí tài chính.

3.2.5 Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty trong công tác tổ chức, cán bộ, quy hoạch luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ.

- Tiến hành rà soát, đánh giá phân loại cán bộ để thực hiện kiện toàn công tác tổ chức, điều động, luân chuyển cán bộ tại Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác tái cơ cấu Tổng công ty/ các đơn vị thành viên.

- Tiếp tục xây dựng phương án đề xuất kiện toàn Người đại diện phần vốn và tiến hành kiện toàn Người đại diện tại các Đơn vị; Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của PetroCons tại các Đơn vị.

- Thực hiện công tác quản lý, giám sát tình hình thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tăng cường thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao; Đào tạo chuyên sâu, tập trung vào các lĩnh vực chuyên môn chính, cốt lõi từ nguồn kinh phí Tập đoàn hỗ trợ; Tăng cường đào tạo ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý dự án để nâng cao chất lượng; Duy trì và tăng cường đào tạo nội bộ tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT

- Đến thời điểm hiện tại tại HĐQT PetroCons bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PetroCons. Cụ thể như sau:

- Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị
- 01 Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện của Petrovietnam (không đại diện phần vốn): Ông Nguyễn Hoài Nam.
- 01 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Ông Phạm Văn Khánh.

1.2. Các tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị: PetroCons không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, HĐQT họp 07 phiên họp thường kỳ và 133 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 33 Nghị quyết, 34 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PetroCons. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2025 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 08/BC-XLKD ngày 15/01/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	07/07	100%	
2	Ông Chu Thanh Hải	06/07	86%	Ủy quyền
3	Trần Hải Bằng	07/07	100%	
4	Nguyễn Hoài Nam	07/07	100%	
5	Ông Phạm Văn Khánh	06/07	86%	Vắng có lý do

Bên cạnh đó để tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã cử các Thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban và chuyên đề cùng Ban Tổng giám đốc theo đúng trách nhiệm được phân công theo dõi.

1.4 Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

- Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
- Thành viên độc lập HĐQT cơ bản tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT và có đầy đủ ý kiến tại các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của PetroCons, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
1	Ông Nghiêm Quang Huy	<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên - Đào tạo tiền công vụ - Bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu - Bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA và định giá xây dựng trong lĩnh vực cầu đường 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐTCB Lê Hồng Phong - Học viện hành chính Quốc gia - Trung tâm đào tạo về quản lý - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải 	<ul style="list-style-type: none"> Từ 24/6/2004 – 10/01/2005 - Từ 9/2005 – 12/2005 5/2006 11/2009

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
		<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn nghiệp vụ cho kỹ sư giao thông - Trung cấp lý luận chính trị - HCK112 - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP - Chương trình chuyển đổi số dành cho lãnh đạo QL nâng cao - Hội nghị Đầu tư – Tài chính năm 2024 -Tọa đàm kinh tế vĩ mô và Tài chính tiền tệ 	<ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức JICA (Nhật Bản) - Trường CBQL Giao thông vận tải - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) -Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU). -PETROVIETNAM -PETROVIETNAM 	<ul style="list-style-type: none"> 9/2008 - Từ tháng 6/2020 đến tháng 3/2021 9/2022 - 10-11/2023 - T6/2024 - T6/2024
2	Ông Chu Thanh Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận bồi dưỡng Kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước năm 2004 - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị-DCP - Quốc phòng an ninh đối tượng 2 - Tọa đàm dự thảo Luật quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại DN 	<ul style="list-style-type: none"> -Học viện tài chính - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) - Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng PETROVIETNAM 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/5/2004 đến 26/6/2004 - 11/2022 - Tháng 10/2023 - T8/2024
3	Ông Nguyễn Hoài Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ Đàm phán HĐ xây dựng, giải quyết xung đột và tranh chấp trong dự án xây dựng, xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả tại. - Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu nâng cao - Trung cấp lý luận 	<ul style="list-style-type: none"> -Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. - Công ty CP CFTD sáng tạo -Đảng ủy khối doanh nghiệp TW - Trường cán bộ 	<ul style="list-style-type: none"> 11/2006 5/2013 -Tháng 06/2020 đến

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
		chính trị - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị-DCP	quản lý Giao thông vận tải - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)	tháng 02/2021 9/2022
4	Ông Trần Hải Bằng	- Chứng chỉ đào tạo khóa học “Quản trị doanh nghiệp” - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP - Lãnh đạo tầm vóc -Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động - Tổng quan về ESG - Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp Quản trị môi trường và xã hội (DCP-IESG)	- Công ty cổ phần đào tạo và công nghệ STEC - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) -Brainword Việt Nam -Đại học Fulbright Việt Nam - PETROVIETNAM và Trường Cao đẳng Dầu khí -Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)	8/2022 11/2022 -Tháng 4,5,6/2023 -Tháng 2/2023 -Tháng 10/2023 - Tháng 10/2023

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên.

Năm 2025, nhân sự Ban kiểm soát có sự thay đổi (Bà La Minh Huệ thay Ông Phùng Văn Sỹ), cụ thể:

+ Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát

+ Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).

+ Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021 đến 29/5/2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 29/5/2025).

+ Bà La Minh Huệ - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách (kể từ ngày 29/5/2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 29/5/2025).

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm 2025, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Thường niên của Tổng công ty, Ban Kiểm soát đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại Công ty mẹ Tổng công ty đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hoạt động SXKD) của Tổng công ty. Nội dung giám sát được thực hiện bao gồm các công việc sau:

+ Giám sát hoạt động SXKD của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các chính sách, chế độ của Nhà nước; các quy định của cổ đông lớn là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam; các nghị quyết của HĐQT và các Quyết định điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc xem xét, nghiên cứu các văn bản có liên quan.

+ Tham dự các cuộc họp rà soát, đánh giá kết quả hoạt động SXKD định kỳ quý và năm của Tổng công ty.

+ Thực hiện thẩm tra nội dung phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của các đơn vị thành viên, công ty liên kết và công ty đầu tư tài chính; Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tại các đơn vị thành viên.

+ Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát ban hành văn bản gửi HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty đề nghị cung cấp thông tin, báo cáo về kết quả hoạt động SXKD tại Công ty mẹ Tổng công ty để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời làm cơ sở lập báo cáo định kỳ gửi Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát: kiểm tra giám sát thường xuyên tại công ty mẹ Tổng công ty; Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch kiểm tra, giám sát tại 05 đơn vị: Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH), Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải), Công ty CP Xây lắp Dầu khí Đông Đô (PetroCons-Đông Đô), Công ty CP Xây dựng Dân Dụng và Công nghiệp Dầu Khí (PVC-IC), Công ty CP Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát thực hiện xem xét các báo cáo hoạt động SXKD và các báo cáo liên quan của Người đại diện/Người đại diện phần vốn của PetroCons tại các đơn vị, qua đó kịp thời đưa ra các kiến nghị, đề xuất đối với HĐQT, Tổng giám đốc PetroCons.

- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Tổng công ty theo định kỳ quý, năm 2025; rà soát việc thực hiện các quy định của Nhà nước liên quan đến lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần có vốn góp chi phối.

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp (ngày 20/3/2025 và ngày 25/09/2025) nhằm đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, quý và triển khai kế hoạch công tác của các quý tiếp theo. Ngoài ra, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, xử lý công việc thông qua các hình thức như email và điện thoại.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Ngày tháng năm	Số thành viên tham gia	Nội dung	Kết quả
1	20/3/2025	3/3	Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2025.	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp.
2	25/09/2025	3/3	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 của Ban Kiểm soát. - Triển khai thực hiện kế hoạch năm 2026.	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp.

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT TCT

Tiền lương/thù lao của HĐQT năm 2025 là 2.284.460.076 đồng.

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao thực hiện năm 2024	Tiền lương/thù lao thực hiện năm 2025
	Tổng cộng		2.207.775.903	2.284.460.076
1	Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	545.647.303	573.551.443
2	Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	479.906.106	500.481.311
3	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	466.008.070	479.537.200
4	Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	471.929.424	483.450.122
5	Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	244.285.000	247.440.000

- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2025 là: 510.027.759 đồng. Sử dụng tuân thủ theo quy chế chi tiêu nội bộ của PetroCons và các quy định hiện hành.

b. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương/thù lao của Ban Tổng giám đốc thực lĩnh trong năm 2025 là 2.111.886.132, đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2024	Tiền lương năm 2025
	Tổng cộng		1.905.185.412	2.111.886.132
1	Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc, bổ nhiệm ngày 01/01/2024	449.814.793	572.557.253
2	Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	507.748.575	521.417.825
3	Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	482.731.554	493.140.774
4	Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	464.890.490	524.770.280

c. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Kiểm soát

- Tiền lương/thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát thực lĩnh trong năm 2025 là 686.187.065 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/thù lao năm 2025	Lương/thù lao năm 2024
	Tổng cộng		686.187.065	506.218.999
1	Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	454.099.420	441.418.999
2	Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	43.200.000	32.400.000
3	Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	16.200.000	32.400.000
4	La Minh Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	172.687.645	

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 là: 85.592.593, đồng.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:

Năm 2025, PetroCons không có giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2025, Tổng công ty có 15 hợp đồng/giao dịch nội bộ, cụ thể:

STT	Nội dung hợp đồng	Đơn vị liên quan	Giá trị hợp đồng đã bao gồm VAT (đồng)
1	Mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6 – Nhà máy Nhiệt điện TB2 (33/HĐ/2025/PVPG.CQCN-PETROCONS/HH ký ngày 26/6/2025)	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPGB)	15.800.000.000
2	Mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6 – Nhà máy Nhiệt điện TB2 (25/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH ký ngày 25/7/2025)	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	15.070.000.000
3	Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2 (167/HĐ/2025/PVPG.NMĐTB2-PETROCONS/HH ký ngày 3/7/2025)	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPGB)	2.784.786.862
4	Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2 (22/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH ký ngày 22/7/2025)	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	2.695.674.010
5	Mua sắm Bi nghiền đá vôi phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 – NMNĐ Thái Bình 2; 178/HĐ/2025/PVPG.NMĐTB2-PETROCONS/HH ký ngày 8/7/2025)	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPGB)	1.610.999.280
6	Mua sắm Bi nghiền đá vôi phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 – NMNĐ Thái Bình 2; 21/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH ký ngày 21/7/2025)	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	1.553.818.750
7	Xử lý nền (Soil Improvement Work) dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn – HĐ số 76-2025/PTSC-SWEP/HD ký ngày 22/4/2025)	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	95.865.877.214
	Thi công đường vào (access road) –	Công ty Cổ phần Xây	

8	Hợp đồng số 16-2025/ PetroCons-PVC.IC ký ngày 20/5/2025	dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	3.099.239.067
9	Mua sắm vật tư thay thế C&I (Hệ thống DCS) năm 2024 cho NMD Sông Hậu 1 – Hợp đồng số 12/HĐKT/2025/PVPG-B-TITAN-PETROCONS/SH1 ngày 17/4/2025	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPG-B)	11.689.438.356
10	Gói thầu Mua sắm vật tư C&I đảm bảo khả dụng - NMND Thái Bình 2 – Hợp đồng số 108/HĐ/2025/PVPG-B.NMĐTB2-PetroCons/HH ngày 16/5/2025	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPG-B)	1.848.103.400
11	Nâng cấp hệ thống PLC nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 – Hợp đồng số 265/HĐ/2025/PVPG-B.NMĐTB2-PetroCons/HH ký ngày 19/9/2025	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPG-B)	7.463.050.804
12	Gói thầu T37 “Thông quan, vận chuyển nội địa, xây dựng, lắp đặt hệ thống ESP và FGD dự án NMND Long Phú 1” – Hợp đồng số 14/2025/HĐKT/LP1PP/LP1-T37 ký ngày 29/9/2025	Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	90.134.833.764
13	HĐ Ủy thác nhập khẩu: Cung cấp Chân đế và Khối thượng tầng cho các giàn C37-A, NMT-A & SB15-A, bao gồm vật tư cho ONGC WPAPP, Dự án DSF-II theo phạm vi công việc – Hợp đồng số 150/PVCM-S - PETROCONS/HĐUTNK ký ngày 12/8/2025	Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại & Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	81.654.924.367
14	Mua sắm Bi nghiền đá vôi NMND Sông Hậu 1; 261/HĐ/2025/PVPG-B.NMĐSH1-PETROCONS/HH ký ngày 21/10/2025)	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPG-B)	3.019.170.000
15	Mua sắm Bi nghiền đá vôi NMND Sông Hậu 1; 47/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH ký ngày 21/11/2025	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	2.906.750.000

3.4 Về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Xem tại mục 5, chương III – Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2025 của PetroCons: đính kèm.
- Báo cáo tài chính riêng của PetroCons năm 2025 sau kiểm toán xem tại website: <https://petrocons.vn/pvx-cbtt-vb-giai-trinh-bctc-cong-ty-me-nam-2025-sau-kiem-toan>

Nơi nhận:

- Như kính gửi; ✓
- HĐQT, Ban KS (b/c);
- Người phụ trách quản trị kiêm thư ký TCT;
- Lưu VT, TCKT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Hoàn

